



CYBERLEARN

ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH

CYBERLEARN.VN

Mục Tiêu

- 01 CSS là gì ?
- 02 Phân loại CSS
- 03 Các khái niệm trong css
- 04 CSS Selectors
- 05 Thứ tự ưu tiên CSS
- 06 Thực hành CSS thông qua Camping layout

01

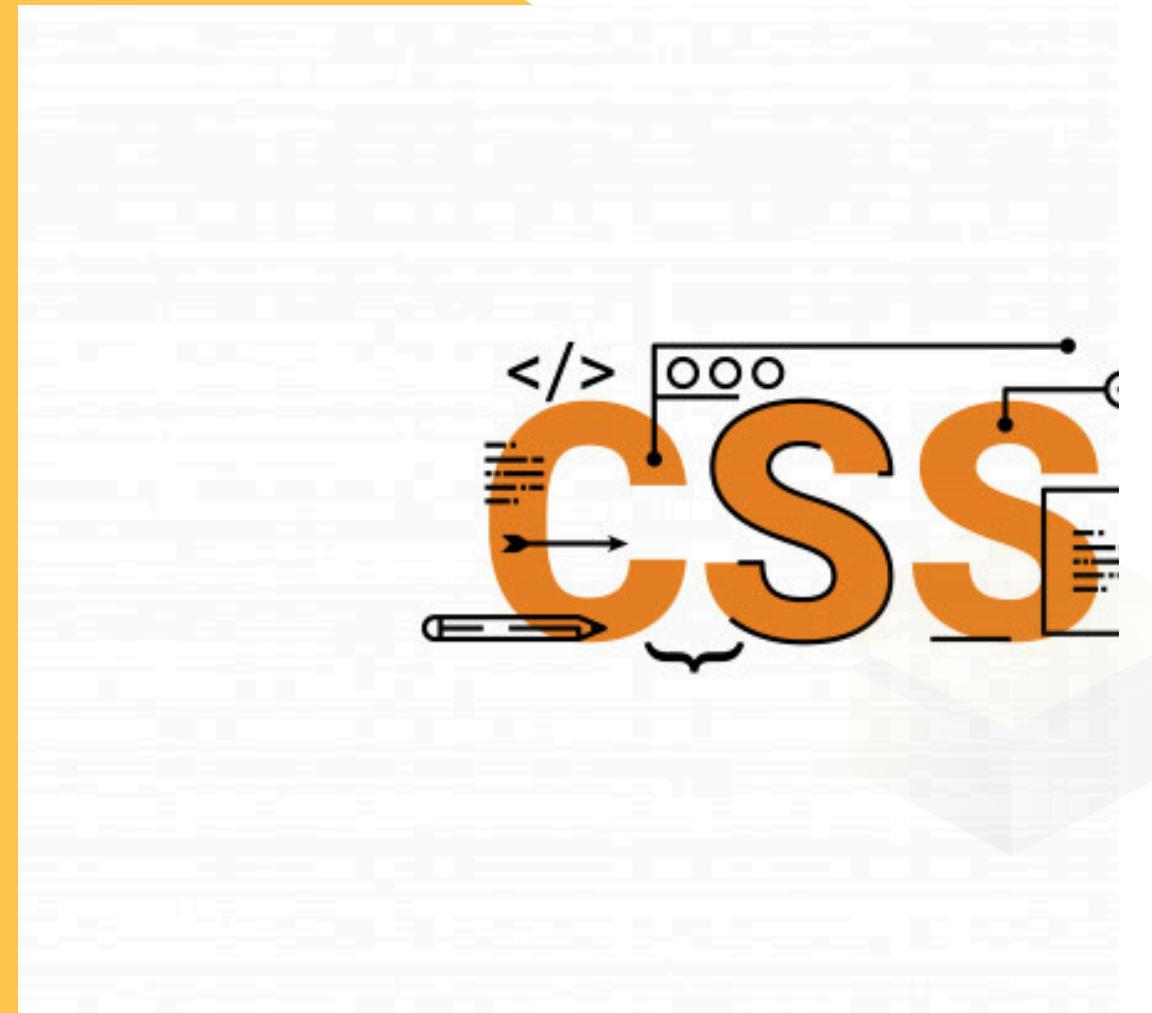
CSS là gì

CYBERLEARN
ĐÀO TẠO CHUYÊN GIA LẬP TRÌNH

Tại sao cần sử dụng thêm CSS bên cạnh
HTML?

CSS là gì

- **CSS** viết tắt của **Cascading Style Sheets**
- **CSS** Là một ngôn ngữ dùng để định dạng cho các phần tử HTML và bố cục của trang web.
- **CSS** giúp lập trình viên tiết kiệm công sức và thời gian
- **CSS** có thể tái sử dụng





Phân loại CSS

Có 3 loại:

- **Inline Style**
- **Internal Style Sheet**
- **External Style Sheet**

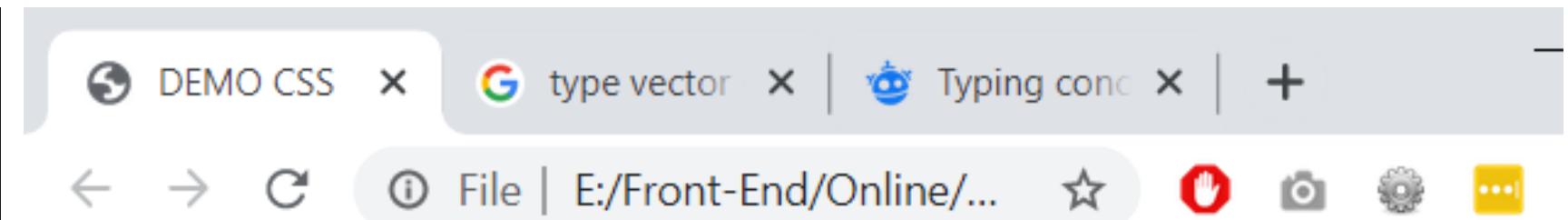
Phân loại CSS

- **Inline Style**

Thêm trực tiếp thuộc tính style vào thành phần HTML cần thay đổi mô tả

```
<tagname style="property: value;... "> content... </tagname>
```

```
....<title>DEMO·CSS</title>...
</head>
<body>
....<!-- inline·CSS-->....
....<h1·style="background-color: red;">Demo·CSS</h1>
</body>
</html>
```



Demo CSS

Phân loại CSS

- **Internal Style Sheet**

- Còn được gọi là Embedding Style Sheet
- Thuộc tính CSS được định nghĩa trong **<style>**, nhúng trong **<head>** của trang HTML
- Có khả năng ảnh hưởng trong phạm vi toàn trang HTML

Phân loại CSS

```
<head>
    <meta charset="UTF-8">
    <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
    <title>DEMO CSS</title>
    <!-- internal CSS -->
    <style>
        h1{
            color: black;
            background-color: yellow;
        }
    </style>
</head>
<body>

    <h1>Demo CSS</h1>

</body>
</html>
```

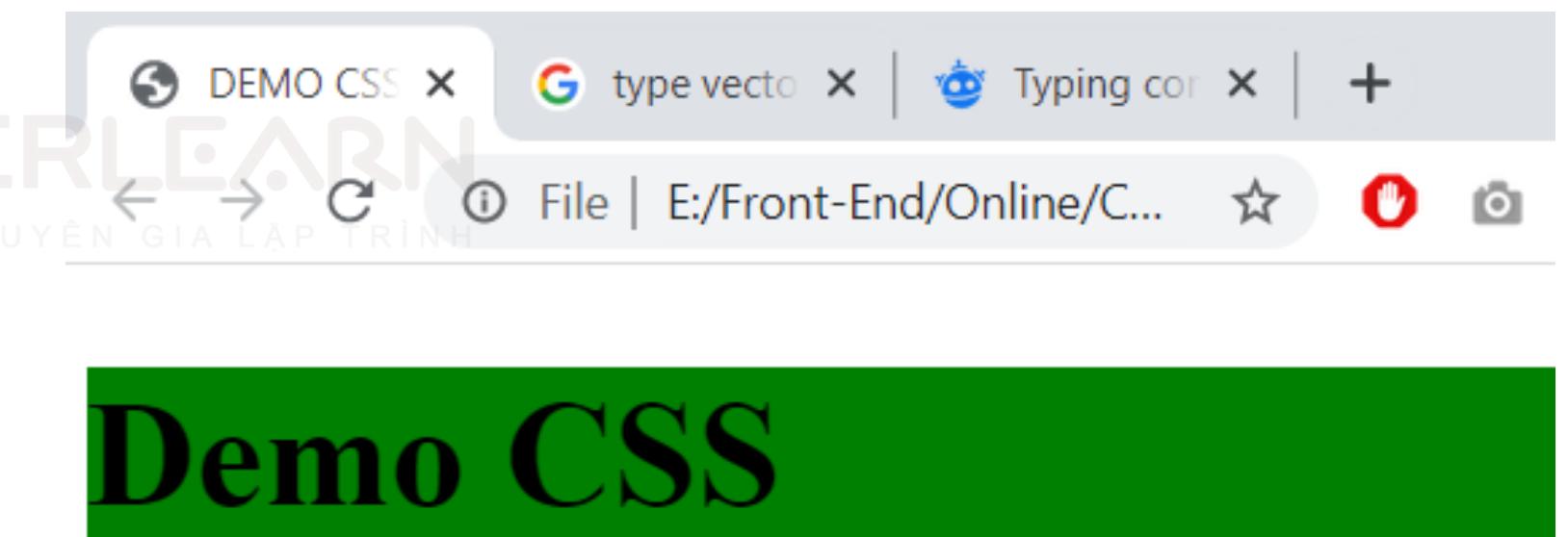


Phân loại CSS

- **External Style Sheet**
- Còn được gọi là Linking Style Sheet
- Thuộc tính CSS được định nghĩa trong file *.css*
- Được liên kết thông qua phần tử **<link>**, trong phần **<head>** của trang HTML
- Có khả năng ảnh hưởng đến nhiều trang HTML có liên kết đến file đó

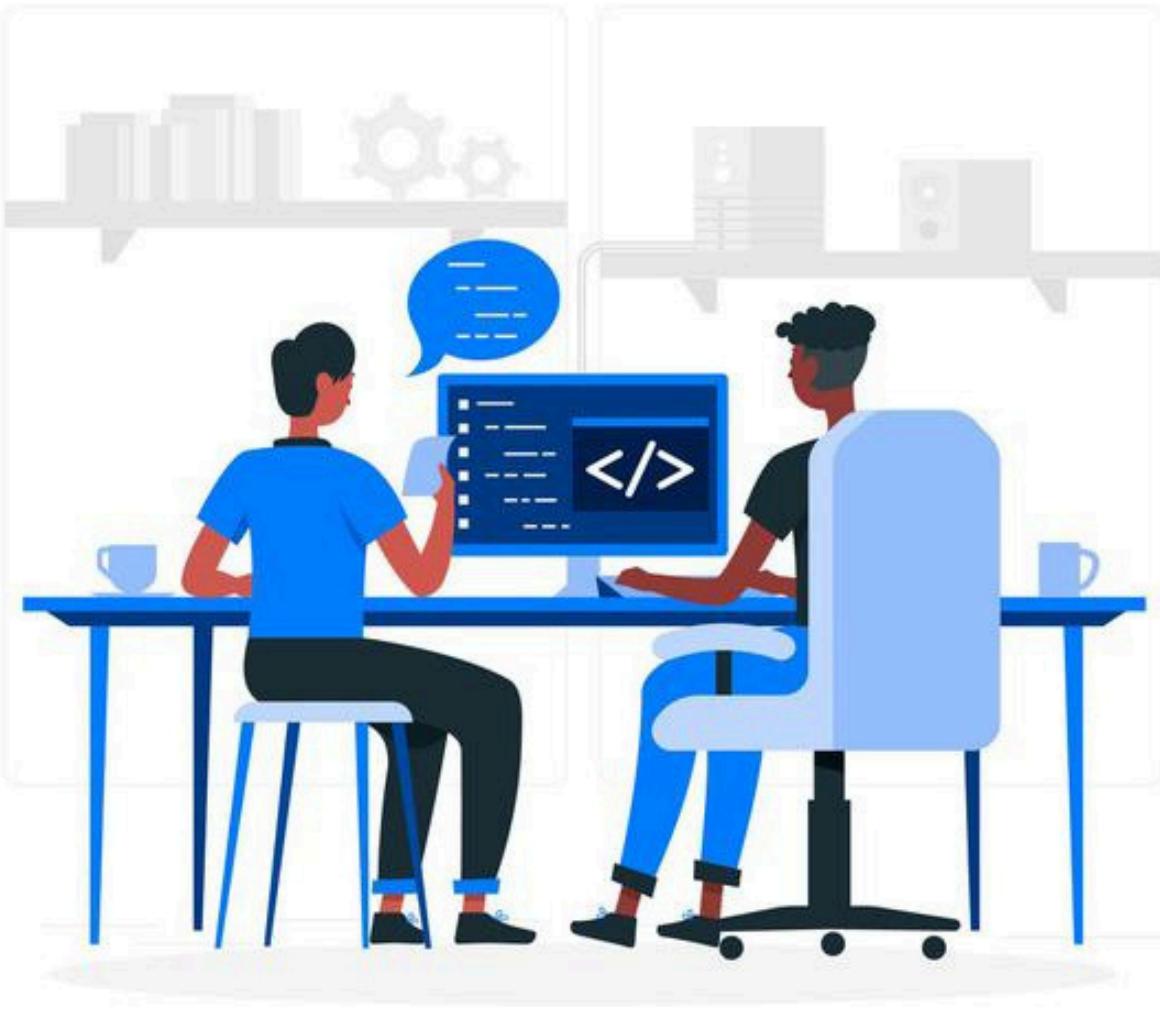
Phân loại CSS

```
<head>
    <meta · charset="UTF-8">
    <meta · name="viewport" · content="width=device-width, height=device-height, initial-scale=1.0">
    <title>DEMO · CSS</title>
    <!-- external CSS -->
    <link · rel="stylesheet" · href=".·css/demo.css">
</head>
<body>
    <h1>Demo · CSS</h1>
</body>
</html>
```



```
demo.css ×

layoutCSS > css > demo.css > h1
1  h1{
2      font-size: 45px;
3      background-color: green;
4  }
```



Các khái niệm trong CSS

- **Property** là thuộc tính của phần tử HTML, ví dụ:
 - font-size (kích cỡ chữ của phần tử)
 - color (màu chữ của phần tử)
 - background-color (màu nền của phần tử)
- **Value** là giá trị của thuộc tính.
- **Selector** (bộ chọn) là phần tử mà bạn muốn định dạng.

Các khái niệm trong css

Ví dụ trong đoạn mã sau:

- Bộ chọn là h1
- Có 3 thuộc tính là font-size, color, background-color với giá trị lần lượt là 30px, white, red.

```
h1{  
    font-size:40px;  
    color:white;  
    background-color:red;  
}
```

CSS Selectors

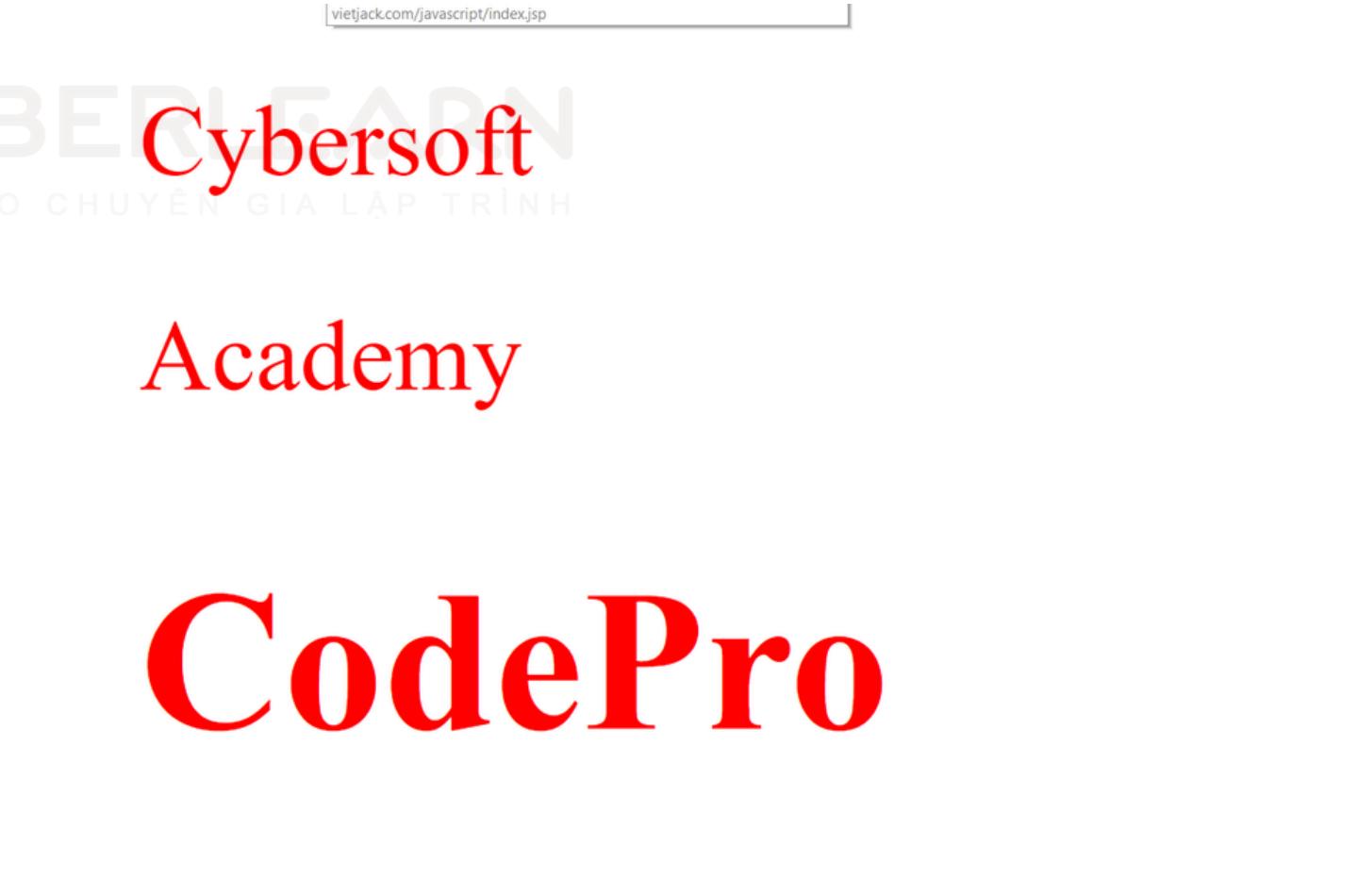
Các Selectors (bộ chọn) được sử dụng để chọn các thành phần HTML mà ta muốn định dạng CSS

Selector	Example	Example description
*	*	Chọn tất cả các phần tử
.class	.header	Chọn tất cả các phần tử có class = “header”
#id	#content	Chọn phần tử duy nhất có id = “content”
element	p	Chọn tất cả các tag <p>
element1, element2	div, p	Chọn tất cả các tag <div> & <tag p>
element1 element2	.class-a .class-b	Chọn tất cả các tag <p> nằm trong tag <div> (cha con)
element1 > element2	div > p	Chọn tag <p> là con trực tiếp của tag <div>
element1 + element2	div + p	Chọn tag <p> nằm ngay sau tag <div> (cùng cấp)
element1 ~ element2	div ~ p	Chọn tất cả các tag <p> được đặt sau tag <div> (cùng cấp)
element[attribute=“value”]	div[class=“demo”]	Chọn tất cả các thẻ div có thuộc tính class=“demo”

CSS Selectors

- Các loại Selector cơ bản :
 - * : chọn tất cả các phần tử

```
index.html
2 <html lang="en">
3 <head>
4   <meta charset="UTF-8">
5   <title>Document</title>
6 </head>
7 <style type="text/css">
8   *{
9     color:red;
10  }
11
12 </style>
13 <body>
14
15   <p>Cybersoft</p>
16   <span>Academy</span>
17   <h1>CodePro</h1>
18
19 </body>
20 </html>
```



CSS Selectors

- Class : ta có thể đặt cho các phần tử thuộc tính class với các giá trị khác nhau và dùng nó để làm selector
- Cách gọi Class trong CSS : .class



```
<style type="text/css">
    .title{
        color:red;
    }
</style>
<body>
    <p class="title">Cybersoft</p>
</body>
```

Cybersoft

CSS Selectors

- id : ta có thể đặt cho các phần tử thuộc tính id với các giá trị khác nhau và dùng nó để làm selector
- Id của mỗi phần tử là duy nhất và khác nhau
- Cách gọi Id trong CSS : #id

```
<style type="text/css">
    #title{
        color:red;
    }
</style>
<body>
    <p id="title">Cybersoft</p>
</body>
```

Cybersoft

CSS Selectors

- Tag name : ta có thể sử dụng tên thẻ để làm selector
- Cách gọi Tag name trong CSS : tagname

```
<style type="text/css">
    p{
        color:red;
    }
</style>
<body>
    <p>Cybersoft</p>
</body>
```

Cybersoft

CSS Selectors

- Kết hợp chỉnh nhiều selector cùng lúc :

```
<style type="text/css">  
    p,h1,.codepro{  
        color:red;  
    }  
</style>  
<body>  
    <p>Cybersoft</p>  
    <h1>Academy</h1>  
    <span class="codepro">Codepro</span>  
</body>
```



Academy

Codepro

CSS Selectors

- Selector theo quan hệ gia đình :

```
<div id="newspaper">
  <h1>Tiêu đề</h1>
  <h2>Phụ đề</h2>
  <div class="content">
    <p>Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipisicing elit.
      Facere, et.</p>
  </div>
</div>
```

- Trong đoạn code trên:
 - Id #newspaper là phần tử ông
 - h1 và class .content là con của #newspaper
 - p là con của .content và là cháu của #newspaper

CSS Selectors

- Cách gọi CSS:

```
#newspaper h1{ /* Chọn các selector h1 là con ch  
    color:red;  
}  
#newspaper > h2{ /* Chọn các thẻ h2 là con trực  
    color:green;  
}  
#newspaper .content p{ /* Gọi các thẻ p nằm bên  
    color:blue;  
}
```

Tiêu đề

Phụ đề

Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipisicing elit.
Facere, et.

CSS Selectors

- Ngoài ra còn có thể xác định thông qua các trạng thái của các phần tử

Selector	Example	Example description
:first-child	p:first-child	Chọn tag <p> đầu tiên trong phạm vi tag cha của nó
:last-child	p:last-child	Chọn tag <p> cuối cùng trong phạm vi tag cha của nó
:nth-child(number)	p:nth-child(2)	Chọn tag <p> thứ 2 trong phạm vi tag cha của nó
:active	a:active	Chọn liên kết đang được kích hoạt
:link	a:link	Chọn tất cả các liên kết chưa kích hoạt
:visited	a:visited	Chọn tất cả các liên kết đã kích hoạt
:hover	div:hover	Chọn tag <div> đang được rê chuột vào
:focus	input:focus	Chọn tag <input> đang có trỏ chuột

CSS Selectors

```
<body>
  <h2>Demo CSS Selectors</h2>
  <div>
    <p>This is 1st paragraph</p>
    <p>This is 2nd paragraph</p>
    <p>This is 3rd paragraph</p>
    <p>This is 4th paragraph</p>
    <p>This is 5th paragraph</p>
  </div>
  <br>
  <input type="text">
  <input type="text">
</body>
```

```
1  p:first-child{
2    color: red
3  }
4  p:last-child{
5    color: green;
6  }
7  p:nth-child(3){
8    color: blue
9  }
10 p:hover{
11   background-color: violet;
12 }
13 [
14  input:focus{
15    background-color: DodgerBlue;
16 }
```

Demo CSS Selectors

This is 1st paragraph

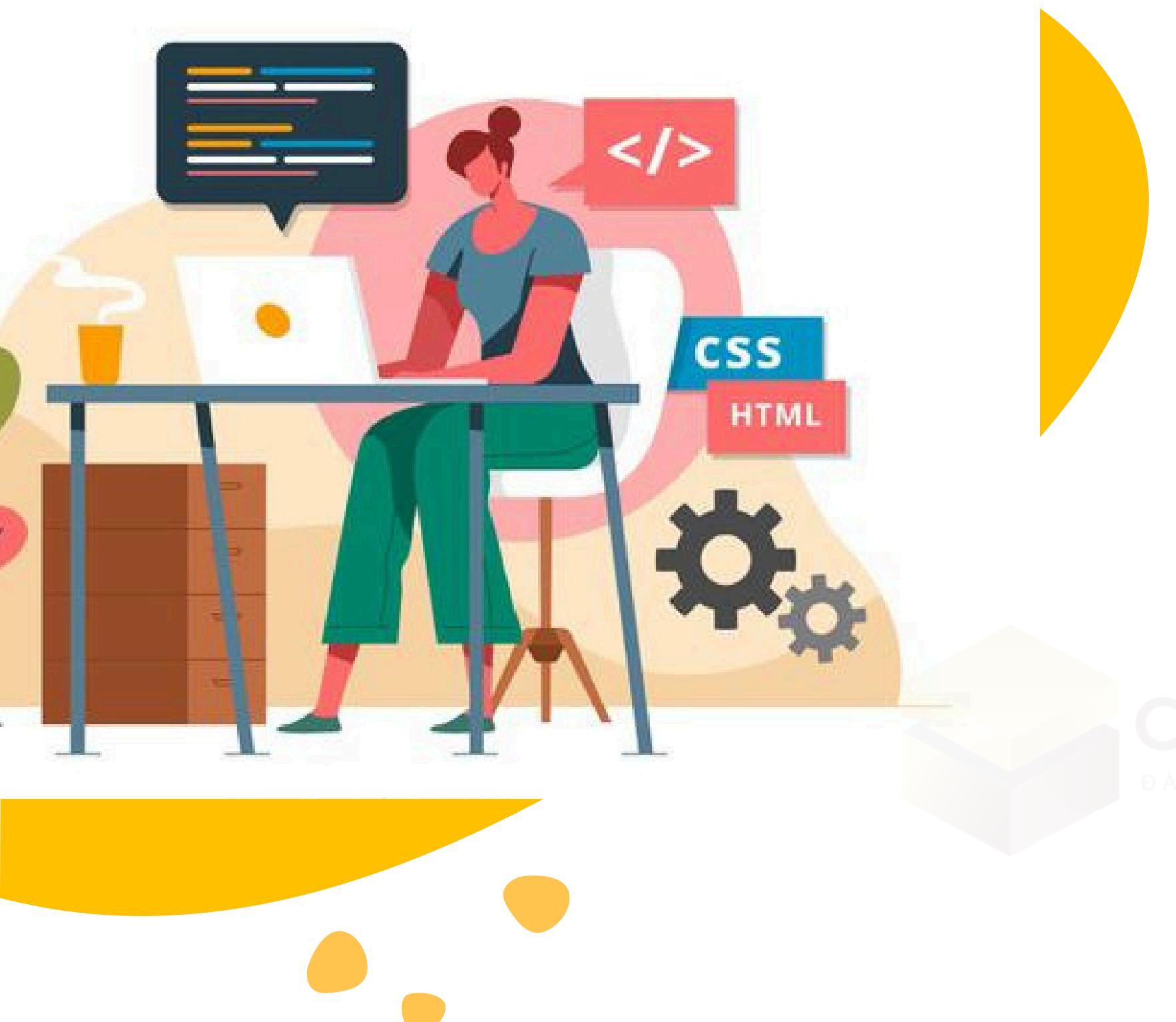
This is 2nd paragraph

This is 3rd paragraph

This is 4th paragraph

This is 5th paragraph





Thứ tự ưu tiên CSS

- **Thứ tự ưu tiên của các loại CSS:**

Thứ tự ưu tiên của các loại CSS khi có cùng một thuộc tính CSS (theo thứ tự giảm dần)

1. Inline Style Sheet
2. Internal Style Sheet
3. External Style Sheet
4. Browser Default

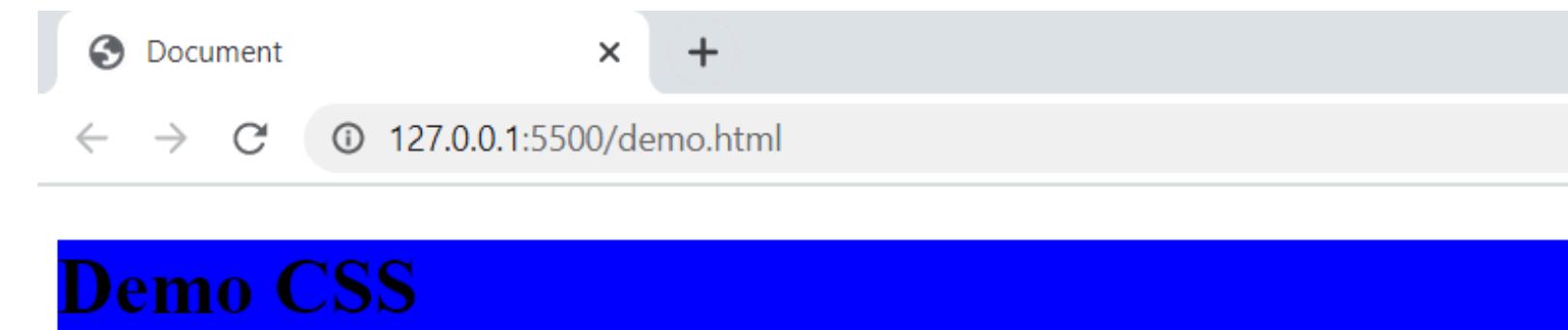
Độ ưu tiên
giảm dần

Thứ tự ưu tiên CSS

```
<head>
    <meta charset="UTF-8">
    <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
    <title>Document</title>
    <!-- external CSS -->
    <link rel="stylesheet" href="./css/demo.css">
    <!-- internal CSS -->
    <style>
        h1{
            background-color: yellow;
        }
    </style>
</head>
<body>
    <!-- Inline CSS -->
    <h1 style="background-color: blue;">Demo CSS</h1>
</body>
</html>
```

YBER
ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH LẬP TRÌNH

```
demo.css X
demoCSS > css > demo.css > ...
1 h1{
2     background-color: red;
3 }
4
```



Thứ tự ưu tiên CSS



- **Thứ tự ưu tiên của các selector:**

- Trong file .css, độ ưu tiên tăng dần từ trên xuống dưới.
- Trong các selector:
 - Id có giá trị ưu tiên :100
 - Class có giá trị ưu tiên :10
 - Tag có giá trị ưu tiên :1
 - Tổng giá trị ưu tiên càng cao, độ ưu tiên càng cao

```
#content .demo p{ /* Giá trị ưu tiên : 100 + 10 + 1 =111; */
    color:red;
}
#content p{
    color:green; /* Giá trị ưu tiên : 100 + 1 =101; */
}
```